

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HS-PT

Ngày: 28 - 7 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:***  
Bà Hồ Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn K do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn K và bị hại Phạm Văn A đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2022/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

***- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:***

Phạm Văn K, sinh năm 1967 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm D (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1934; có vợ Đoàn Thị H, sinh năm 1966 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

***- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:***

Bị hại: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, tỉnh Bình Định; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 17/4/2021, Phạm Văn A đến cột bò ở khu vực phía Tây đồng Đất Sét thuộc Thôn Đ, xã M, tỉnh Bình Định thì thấy anh ruột Phạm Văn K và vợ chồng em ruột Phạm Văn Tr, Trần Thị B trú cùng thôn cũng đang cột bò tại đây, cách chỗ A đứng khoảng hơn 150 mét. Lúc này, A có nghe K đang cãi nhau với vợ chồng Tr, rồi K cầm một đoạn cây gỗ, dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 20-30cm dùng để làm nọc cột bò rượt đuổi vợ chồng Tr. Thấy vậy, A nói với vợ chồng Tr “Vợ chồng mày đứng lại xem ông làm gì”, nhưng vợ chồng Tr vẫn chạy, khi lên đến đường Tây tỉnh vợ chồng Tr lên xe máy bỏ đi, nên K không rượt nữa. Do không đuổi kịp vợ chồng Tr nên K chạy đến chỗ A đang cột bò, trên tay vẫn cầm đoạn cây nọc bò. Thấy vậy, A nói “Có ngon thì đánh đi. K nói lại “Tao đánh thẳng hùa”, rồi K dùng đoạn cây đánh bốp một cái từ trên xuống trúng vào đầu A. K tiếp tục cầm cây đánh A nên A đưa tay phải đang cầm đoạn cây gỗ để đóng nọc bò lên đỡ, đưa tay trái đang cầm bì cắm con cò loại nhỏ lên đỡ, A bị K đánh trúng nhiều cái vào tay trái. Lúc này, Phạm Ngọc Tr chạy đến can ngăn không cho K đánh nữa. Hậu quả: A bị thương được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P, sau đó chuyển vào Bệnh viện đa A tỉnh Bình Định điều trị đến ngày 26/4/2021 thì xuất viện.

Ngày 25/6/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định có bản kết luận giám định pháp y số 168/2021/PY-TgT kết luận: Chấn thương gây rách da thái dương - đỉnh trái gồm hai vết, không tổn thương sọ và nội sọ đã điều trị. Hiện thái dương - đỉnh trái để lại hai sẹo từ trước ra sau kích thước (4 x 1)cm và kích thước (3 x 0,5) cm; sẹo rõ, mềm; điện não đồ biến đổi nhẹ. Tỷ lệ: 09% (chín phần trăm); Chấn thương gây sưng nề, biến dạng, mất cơ năng, hạn chế vận động cẳng tay trái, gãy 1/3 dưới xương trụ trái đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện cẳng tay trái có vết mổ mặt trong đoạn 1/3 dưới kích thước (11 x 0,2) cm; vận động cổ tay trái đau. Tỷ lệ: 11% (mười một phần trăm);

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Phạm Văn A là 19% (mười chín phần trăm).

Về vật chứng: 01 đoạn cây gỗ có chiều dài 29cm, gồm 02 đoạn: Đoạn trên là một khối hình chữ nhật có kích thước 15cm x 6cm x 4cm, đoạn dưới được vót nhọn dài 14cm. Đoạn trên hình chữ nhật lồi lõm, không bằng phẳng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn A yêu cầu bồi thường số tiền là 132.406.458 đồng. Phạm Văn K đã tự nguyện khắc phục hậu quả 10.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm

2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Phạm Văn K bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Phạm Văn A số tiền 42.858.603 đồng. Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo K đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 0003378 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 05/01/2022, bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và xin giảm số tiền tổn thất tinh thần.

Ngày 06/01/2022 bị hại có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng số tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng số tiền bồi thường về tổn thất tinh thần, tiền công lao động bị giảm sút do thương tích gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo và bị hại tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 06 giờ ngày 17/4/2021, Phạm Văn A đến cột bò ở khu vực phía Tây đồng Đất Sét thuộc Thôn Đ, xã M, tỉnh Bình Định thì thấy anh ruột là bị cáo Phạm Văn K và vợ chồng em ruột Phạm Văn Tr, Trần Thị B đang cãi nhau. Sau đó, K cầm một đoạn cây gỗ, dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 20-30cm dùng để làm nọc cột bò rượt đuổi vợ chồng Tr. Thấy vậy, A nói với vợ chồng Tr “Vợ chồng mày đứng lại xem ông làm gì”, nhưng vợ chồng Tr vẫn chạy, rồi lên xe máy bỏ đi. Do không đuổi kịp vợ chồng Tr nên K chạy đến chỗ A đang cột bò, trên tay vẫn cầm đoạn cây nọc bò. Thấy vậy, A nói “Có ngon thì đánh đi” thì bị K dùng đoạn cây đánh bổ một cái từ trên xuống trúng vào đầu A. K tiếp tục cầm cây đánh A nên A đưa hai tay lên đỡ, A bị K đánh trúng nhiều cái vào tay trái thì được Phạm Ngọc Tr chạy đến can ngăn.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 168/2021/PY-TgT kết luận: Chấn thương gây rách da thái dương - đỉnh trái gồm hai vết, không tổn thương sọ và nội sọ đã điều trị. Hiện thái dương - đỉnh trái để lại hai sẹo từ trước ra sau kích thước (4 x 1) cm và kích thước (3 x 0,5) cm; sẹo rõ, mềm; điện não đồ biến đổi nhẹ. Tỷ lệ: 09% (chín phần trăm); Chấn thương gây sưng nề, biến dạng, mất cơ năng, hạn chế vận động cẳng tay trái, gãy 1/3 dưới xương trụ trái đã phẫu thuật kết hợp xương. Hiện cẳng tay trái có vết mổ mặt trong đoạn 1/3 dưới kích thước (11 x 0,2) cm; vận động cổ tay trái đau. Tỷ lệ: 11% (mười một phần trăm); Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Phạm Văn A là 19% (Mười chín phần trăm).

Do đó, Tòa án nhân dân huyện P xét xử bị cáo Phạm Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của bị hại và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng:

[2.1] Về kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của bị hại, nhận thấy: Bị cáo đã dùng cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu và tay của bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên đã tự nguyện khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên khi quyết định mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp thêm số tiền 15.000.000đ để khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo còn giao nộp thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mới mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 02 đến 06 năm tù, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng, xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là có phần nhẹ, chưa tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

[2.2] Về kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng: Giữa bị cáo và bị hại có quan hệ là anh em ruột với nhau. Trong lúc kinh cãi, do bị hại là em ruột nhưng có lời lẽ thách thức, gây tâm lý bức xúc cho bị cáo nên bị cáo nhất thời phạm tội. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự,

phạm tội lần đầu, hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường thiệt hại tiền tổn thất tinh thần của bị cáo và kháng cáo tăng tiền bồi thường về tổn thất tinh thần và tiền công lao động bị giảm sút do thương tích gây nên của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 42.858.603đ, trong đó:

[3.1] Đối với trách nhiệm bồi thường cho bị hại về tiền thuốc, viện phí, chi phí đi lại và tiền công lao động bị mất trong thời gian nằm viện, đi giám định với tổng số tiền 13.008.603đ; tiền không lao động được sau điều trị là 30 ngày x 250.000đ/ngày = 7.500.000đ, tổng cộng là 20.508.603 đồng. Bị cáo, bị hại thống nhất số tiền này, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Đối với tiền tổn thất tinh thần: Xét thấy bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích tại vùng đầu và tay của bị hại làm cho bị hại phải nhập viện điều trị trong khoảng thời gian là 10 ngày với tỷ lệ thương tích là 19%. Bản án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tổn thất tinh thần bằng 15 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 22.350.000 đồng là chưa tương xứng với tỷ lệ thương tích và tổn thất về tinh thần do bị cáo gây ra cho bị hại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo tăng số tiền bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổn thất tinh thần bằng 20 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ/tháng = 29.800.000đ, tăng 05 tháng lương cơ sở với số tiền là 05 x 1.490.000đ = 7.450.000đ so với mức bồi thường theo bản án sơ thẩm. Do đó, tổng số tiền buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 42.858.603đ + 7.450.000đ = 50.308.603đ. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường tổn thất tinh thần của bị cáo.

[3.3] Đối với tiền công lao động bị giảm sút do thương tích gây nên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị hại bị thương tích là 19% nên sau khi xuất viện, bị hại cũng phải cần có thời gian nghỉ ngơi để phục hồi sức khỏe và đến nay bị hại cũng đã đi lại bình thường. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tiền công lao động bị mất do không lao động được sau điều trị là 30 ngày x 250.000đ/ngày = 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh tiền công lao động của bị hại bị giảm sút là do thương tích gây nên. Do đó Hội đồng xét xử phúc

thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

**[4] Về án phí:**

[4.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm do kháng cáo yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại của bị hại được chấp nhận và trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp 15.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo, bị hại không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

*Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;*

*Căn cứ vào Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận kháng một phần cáo của bị cáo Phạm Văn K và bị hại Phạm Văn A, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 02 (Hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.1. Giao bị cáo Phạm Văn K cho UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2.2. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn K phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Văn A số tiền 50.308.603đ. Bị cáo đã nộp số tiền 25.000.000đ đồng khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại A tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số 0003378 ngày 10/12/2021 và biên lai thu số 0003424 ngày 22/7/2022 nên được tính trừ vào số tiền phải bồi thường thiệt hại. Bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại A số tiền 25.308.603 (Hai mươi lăm triệu ba trăm không tám nghìn sáu trăm không ba) đồng.

4. Về án phí:

[4.1] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 1.265.430 (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị cáo, bị hại không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

6.2. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an huyện P;
- Cơ quan THAHS Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Duy**